TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2026/DSST
Ngày 29 – 7 – 2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Bà Tống Thị Điệp.

2./ Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa**: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2026/QĐXX-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 219/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1976; Ông Lữ H1, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 11 năm 2025)

Bị đơn: Ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Số B P, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm T, Tổ dân phố E (phường T cũ), phường T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Lữ H1, bà Lê Thị H: Bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 15/01/2024, vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Hoàng Kim S có vay của vợ chồng bà Lê Thị H, ông Lữ H1 số tiền vay gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng và cam kết trả lãi hằng tháng. Khi vay, trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả gốc.

Sau khi vay tiền, ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 mới trả được cho vợ chồng bà Lê Thị H, ông Lữ H1 02 tháng tiền lãi (tháng 2, tháng 3). Từ tháng 4/2024 đến nay, vợ chồng ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 chưa thanh toán được thêm số tiền vay gốc và tiền lãi nào cả.

Khi vay, ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 không thế chấp tài sản nào cả.

Vì vậy, bà Lê Thị H, ông Lữ H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền vay gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật (10%/năm) từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày**:

Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, vợ chồng tôi sẽ trình bày ý kiến sau khi đối chiếu gốc lãi còn lại và sẽ trình bày tại buổi làm việc tại Tòa án sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Lữ H1.

Buộc ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Lê Thị H, ông Lữ H1 số tiền vay gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3]. Về nội dung:

Ngày 15/01/2024, ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 có viết giấy vay tiền của ông Lữ H1, bà Lê Thị H, số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), cam kết trả lãi hằng tháng.

Xét quan hệ pháp luật dân sự về vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Do phía ông Lữ H1, bà Lê Thị H cho rằng ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 đã không thực hiện việc trả nợ nên đã khởi kiện vụ án là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần xem, xét giải quyết.

Về tiền nợ gốc:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, vợ chồng bà sẽ trình bày ý kiến sau khi đối chiếu gốc lãi còn lại và sẽ trình bày tại buổi làm việc tại Tòa án sau. Tuy nhiên, sau đó, vợ chồng ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 đều vắng mặt tại các buổi làm việc và không cung cấp chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình.

Như vậy, bà Nguyễn Thị T1 không hề phủ nhận việc vay mượn giữa vợ chồng bà với ông Lữ H1, bà Lê Thị H.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vay gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho nguyên đơn theo Giấy vay tiền ngày 15/01/2024.

Về tiền lãi:

Xét Giấy vay tiền ngày 15/01/2024, không thỏa thuận lãi suất cụ thể nhưng có nội dung: "Vợ chồng tôi cam kết trả lãi hằng tháng". Như vậy, hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng. Nguyên đơn xác định bị đơn mới trả lãi được 02 tháng. Từ tháng 4 năm 2024 đến nay, bị đơn chưa trả được thêm số tiền lãi nào cả. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử

sơ thẩm (Ngày 29/7/2026) là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 01/4/2024 đến ngày 29/7/2026 là 850 ngày:

Tiền lãi = (200.000.000đ x 10% x 850 ngày): 365 ngày = 46.575.342 đồng.

Vì vậy, cần buộc ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lữ H1, bà Lê Thị H số tiền vay tổng cộng là 246.575.342đ (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: Tiền vay gốc theo Giấy vay tiền ngày 15/01/2024 là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*); Tiền lãi kể từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2026) là 46.575.342đ (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 12.328.767đ (*Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. (Theo mức: 246.575.342đ x 5%).

Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Lữ H1, bà Lê Thị H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001547, ngày 06/10/2025 (bà Lê Thị H nộp) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lữ H1, bà Lê Thị H:

Buộc ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lữ H1, bà Lê Thị H số tiền vay tổng cộng 246.575.342đ (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: Tiền vay gốc theo Giấy vay tiền ngày 15/01/2024 là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*); Tiền lãi kể từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2026) là 46.575.342đ (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 12.328.767đ (*Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Lữ H1, bà Lê Thị H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001547, ngày 06/10/2025 (bà Lê Thị H nộp) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và 71 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan